

Số: 1019 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-SXD ngày 07/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 156/TTr-SXD ngày 14/7/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Xây dựng và các cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp<sup>1</sup> lập và phê duyệt quy trình nội bộ đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình được nêu tại Điều 1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, sửa đổi quy trình điện tử và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định được ký ban hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND tỉnh; Ban quản lý các khu công nghiệp; UBND huyện, thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTT);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường (p/h);
- VP UBND tỉnh:
- + CVP, PCVP Đà; TH, KTN;
- + TTPVHCC, TTTT;
- + Lưu: VT, NC-KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Sơn**

<sup>1</sup> Đối với thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG;  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM  
VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**

*(Kèm theo Quyết định số 1019 /QĐ-UBND ngày 16 / 7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	1.011705	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	MC	20 ngày	20 ngày	20 ngày		Không	X		

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
2	1.011708	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	MC	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc		Không	X		
3	1.011710	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng	MC	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc		Không	X		

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
		nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)									
4	1.011711	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	MC	20 ngày	20 ngày	20 ngày		Không	X		

## 2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh <sup>1</sup>	Các đơn vị liên quan		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	MC	20 ngày	20 ngày	20 ngày		Không	X		

<sup>1</sup> Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

**PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI TRONG  
LĨNH VỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG; THỦ TỤC HÀNH  
CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**

**I. Thủ tục hành chính ban hành mới ban hành**

**1. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động).**

**1.1. Trình tự thực hiện**

- Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu các tài liệu chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn để bổ sung và hoàn thiện;

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức đoàn đánh giá thực tế tại phòng thí nghiệm. Nội dung đánh giá bao gồm:

1. Đánh giá tính xác thực của hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép đầu tư;

b) Quyết định thành lập phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

c) Các quyết định bổ nhiệm các cán bộ quản lý hoạt động thí nghiệm (trưởng, phó phòng thí nghiệm);

d) Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên và bản phân công công việc cho từng cá nhân trong phòng thí nghiệm đã được lãnh đạo phê duyệt, kèm theo các văn bằng, chứng chỉ được đào tạo liên quan (phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm quy định tại khoản 1 Điều 5a Nghị định số 62/2016/NĐ-CP đã được bổ sung tại Điểm a Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP);

đ) Danh mục các tài liệu, quy trình quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được lãnh đạo phê duyệt;

e) Danh mục các thiết bị, dụng cụ của phòng thí nghiệm; hợp đồng mua, hóa đơn và biên bản bàn giao thiết bị thí nghiệm; quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các thiết bị được điều chuyển từ cơ quan khác;

g) Chứng chỉ kiểm định/hiệu chuẩn (còn hiệu lực) các thiết bị thí nghiệm

và đo lường theo quy định;

h) Hợp đồng sử dụng lao động đối với trưởng, phó phòng thí nghiệm và thí nghiệm viên được đăng ký trong hồ sơ;

i) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt phòng thí nghiệm kèm theo bản vẽ mặt bằng (kích thước phòng, vị trí các thiết bị thử nghiệm, vị trí lưu mẫu, bảo dưỡng mẫu...).

2. Đánh giá thực tế năng lực của phòng thí nghiệm, bao gồm:

a) Sổ tay chất lượng, các quy trình: quy trình lấy mẫu, lưu mẫu, bảo quản và mã hóa mẫu thí nghiệm (việc mã hóa mẫu thí nghiệm không áp dụng với các thí nghiệm tiến hành tại hiện trường; các mẫu đơn lẻ có tính đặc thù trong phòng thí nghiệm); quy trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng; quy trình đào tạo; quy trình quản lý tài liệu kỹ thuật; quy trình quản lý, sử dụng, vận hành máy móc, trang thiết bị thí nghiệm; thủ tục, các biểu mẫu và các tài liệu liên quan;

b) Không gian, điều kiện và môi trường đảm bảo thực hiện các thí nghiệm, lưu giữ và bảo quản mẫu;

c) Tình trạng trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác lấy, lưu, bảo quản mẫu và thí nghiệm mẫu;

d) Tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết bị, dụng cụ, chứng chỉ của thí nghiệm viên và điều kiện thí nghiệm cho từng chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký.

Trường hợp tổ chức đăng ký hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản đánh giá thực tế, tổ chức đăng ký hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải gửi báo cáo kết quả khắc phục về Sở Xây dựng. Trường hợp các nội dung cần khắc phục phải kéo dài thêm thời hạn thì tổ chức đăng ký hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng báo cáo với Sở Xây dựng bằng văn bản và nêu rõ thời hạn hoàn thành việc khắc phục các nội dung trên nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn khắc phục;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản đánh giá thực tế và kết quả khắc phục (nếu có) đạt yêu cầu, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

**1.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

- Danh sách cán bộ quản lý trực tiếp (trưởng/phó phòng thí nghiệm), thí nghiệm viên kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được đào tạo liên quan.



- Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian khắc phục các nội dung trong biên bản đánh giá thực tế của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

**1.8. Lệ phí:** không

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký;
- Người quản lý trực tiếp hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp với một trong các lĩnh vực thí nghiệm của tổ chức;
- Có thí nghiệm viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên và có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp cho mỗi lĩnh vực thí nghiệm.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**Mẫu số 01. Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....  
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Mã số thuế:.....
2. Thông tin phòng thí nghiệm:  
Địa chỉ:.....  
Điện thoại:.....
3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>
(1)	(2)	(3)	(4)

**(Ghi chú:** Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan).

**ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG  
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 2: Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*Căn cứ* ..... (1).....;

*Căn cứ* ..... (2).....;

*Xét hồ sơ của* ..... (3).....

**CHỨNG NHẬN:**

1. ...(Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....  
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail:.....

Tên phòng thí nghiệm: .....

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm:.....

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD:.....

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Tên tổ chức tại mục 1;

- ...

- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG**

**(Cơ quan cấp giấy chứng nhận)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

(1) Văn bản quy định về thẩm quyền, chức năng của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(2) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(3) Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

**2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).**

**2.1. Trình tự thực hiện**

- Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu các tài liệu chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn để bổ sung và hoàn thiện;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

**2.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

**2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**2.4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

**2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

**2.8. Lệ phí:** không

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký;
- Người quản lý trực tiếp hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp với một trong các lĩnh vực thí nghiệm của tổ chức;
- Có thí nghiệm viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên và có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp cho mỗi lĩnh vực thí nghiệm.

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**Mẫu số 01. Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....  
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Mã số thuế:.....

2. Thông tin phòng thí nghiệm:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>
(1)	(2)	(3)	(4)

**(Ghi chú:** Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan).

**ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG  
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 2: Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*Căn cứ* ..... (1).....;

*Căn cứ* ..... (2).....;

*Xét hồ sơ của* ..... (3).....

**CHỨNG NHẬN:**

1. ...(Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....  
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail:.....

Tên phòng thí nghiệm: .....

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm:.....

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD:.....

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Tên tổ chức tại mục 1;

- ...

- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG**

**(Cơ quan cấp giấy chứng nhận)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

(1) Văn bản quy định về thẩm quyền, chức năng của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(2) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(3) Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

**3. Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)**

**3.1. Trình tự thực hiện**

- Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu các tài liệu chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn để bổ sung và hoàn thiện;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

**3.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

**3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

- Các hồ sơ liên quan đến nội dung thay đổi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**3.4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

**3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng

**3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

**3.8. Lệ phí:** không

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.



**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký;
- Người quản lý trực tiếp hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp với một trong các lĩnh vực thí nghiệm của tổ chức;
- Có thí nghiệm viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên và có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp cho mỗi lĩnh vực thí nghiệm.

**3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**Mẫu số 02. Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....  
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Mã số thuế:.....
2. Thông tin phòng thí nghiệm:  
Địa chỉ:.....  
Điện thoại:.....
3. Mã số phòng thí nghiệm được cấp: LAS-XD ...
4. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: .....
5. Các đề nghị bổ sung, sửa đổi:
- a) Bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>
(1)	(2)	(3)	(4)

- b) Thay đổi địa chỉ đặt phòng thí nghiệm
- Địa chỉ cũ:
  - Địa chỉ đề nghị thay đổi:
- c) Thay đổi địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
- Địa chỉ, tên, thông tin cũ của tổ chức:
  - Địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức đề nghị thay đổi:
- (Ghi chú:** Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn).

**ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG  
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 2: Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*Căn cứ* ..... (1).....;

*Căn cứ* ..... (2).....;

*Xét hồ sơ của* ..... (3).....

**CHỨNG NHẬN:**

1. ...(Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....  
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail:.....

Tên phòng thí nghiệm: .....

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm:.....

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD:.....

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Tên tổ chức tại mục 1;

- ...

- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG**

**(Cơ quan cấp giấy chứng nhận)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

(1) Văn bản quy định về thẩm quyền, chức năng của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(2) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(3) Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

## II. Thủ tục hành chính thay thế

**1. Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)**

### *1.1. Trình tự thực hiện*

- Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu các tài liệu chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn để bổ sung và hoàn thiện;

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức đoàn đánh giá thực tế tại phòng thí nghiệm. Nội dung đánh giá bao gồm:

1. Đánh giá tính xác thực của hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép đầu tư;

b) Quyết định thành lập phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

c) Các quyết định bổ nhiệm các cán bộ quản lý hoạt động thí nghiệm (trưởng, phó phòng thí nghiệm);

d) Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên và bản phân công công việc cho từng cá nhân trong phòng thí nghiệm đã được lãnh đạo phê duyệt, kèm theo các văn bằng, chứng chỉ được đào tạo liên quan (phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm quy định tại khoản 1 Điều 5a Nghị định số 62/2016/NĐ-CP được bổ sung tại Điểm a Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP);

đ) Danh mục các tài liệu, quy trình quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được lãnh đạo phê duyệt;

e) Danh mục các thiết bị, dụng cụ của phòng thí nghiệm; hợp đồng mua, hóa đơn và biên bản bàn giao thiết bị thí nghiệm; quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các thiết bị được điều chuyển từ cơ quan khác;

g) Chứng chỉ kiểm định/hiệu chuẩn (còn hiệu lực) các thiết bị thí nghiệm và đo lường theo quy định;

h) Hợp đồng sử dụng lao động đối với trưởng, phó phòng thí nghiệm và thí nghiệm viên được đăng ký trong hồ sơ;

i) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt phòng thí nghiệm kèm theo bản vẽ mặt bằng (kích thước phòng, vị trí các thiết bị thử nghiệm, vị trí lưu mẫu, bảo dưỡng mẫu...).

2. Đánh giá thực tế năng lực của phòng thí nghiệm, bao gồm:

a) Sở tay chất lượng, các quy trình: quy trình lấy mẫu, lưu mẫu, bảo quản và mã hóa mẫu thí nghiệm (việc mã hóa mẫu thí nghiệm không áp dụng với các thí nghiệm tiến hành tại hiện trường; các mẫu đơn lẻ có tính đặc thù trong phòng thí nghiệm); quy trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng; quy trình đào tạo; quy trình quản lý tài liệu kỹ thuật; quy trình quản lý, sử dụng, vận hành máy móc, trang thiết bị thí nghiệm; thủ tục, các biểu mẫu và các tài liệu liên quan;

b) Không gian, điều kiện và môi trường đảm bảo thực hiện các thí nghiệm, lưu giữ và bảo quản mẫu;

c) Tình trạng trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác lấy, lưu, bảo quản mẫu và thí nghiệm mẫu;

d) Tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết bị, dụng cụ, chứng chỉ của thí nghiệm viên và điều kiện thí nghiệm cho từng chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký.

Trường hợp tổ chức đăng ký hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập biên bản đánh giá thực tế, tổ chức đăng ký hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải gửi báo cáo kết quả khắc phục về Sở Xây dựng. Trường hợp các nội dung cần khắc phục phải kéo dài thêm thời hạn thì tổ chức đăng ký hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng báo cáo với Sở Xây dựng bằng văn bản và nêu rõ thời hạn hoàn thành việc khắc phục các nội dung trên nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn khắc phục;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản đánh giá thực tế và kết quả khắc phục (nếu có) đạt yêu cầu, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

**1.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

- Danh sách cán bộ quản lý trực tiếp (trưởng/phó phòng thí nghiệm), thí nghiệm viên kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được đào tạo liên quan.

- Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn

quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ không kể thời gian khắc phục của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

**1.8. Lệ phí:** không

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký;
- Người quản lý trực tiếp hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp với một trong các lĩnh vực thí nghiệm của tổ chức;
- Có thí nghiệm viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên và có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp cho mỗi lĩnh vực thí nghiệm.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**Mẫu số 01. Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....  
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Mã số thuế:.....
2. Thông tin phòng thí nghiệm:  
Địa chỉ:.....  
Điện thoại:.....
3. Mã số phòng thí nghiệm được cấp: LAS-XD ...
4. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: .....
5. Các đề nghị bổ sung, sửa đổi:  
a) Bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>
(1)	(2)	(3)	(4)

- b) Thay đổi địa chỉ đặt phòng thí nghiệm  
- Địa chỉ cũ:  
- Địa chỉ đề nghị thay đổi:
- c) Thay đổi địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng  
- Địa chỉ, tên, thông tin cũ của tổ chức:  
- Địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức đề nghị thay đổi:  
**(Ghi chú:** Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn).



**ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG  
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 2: Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*Căn cứ* ..... (1).....;

*Căn cứ* ..... (2).....;

*Xét hồ sơ của* ..... (3).....

**CHỨNG NHẬN:**

1. ...(Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....  
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail:.....

Tên phòng thí nghiệm: .....

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm:.....

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD:.....

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Tên tổ chức tại mục 1;

- ...

- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG**

**(Cơ quan cấp giấy chứng nhận)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

(1) Văn bản quy định về thẩm quyền, chức năng của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(2) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(3) Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

### III. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

#### 1. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương

##### 1.1. Trình tự thực hiện:

- Trước 10 ngày so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu hoàn thành *hạng mục công trình, công trình xây dựng*, chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng tới Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND cấp tỉnh (nếu có) hoặc bộ phận một cửa của *cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh*.

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành *hạng mục công trình, công trình xây dựng*. Trường hợp công trình không được kiểm tra trong quá trình thi công thì thực hiện kiểm tra sự tuân thủ các quy định về công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư và các nhà thầu và kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành *hạng mục công trình, công trình xây dựng*.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu, *Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh* ra thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

##### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

###### a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư

##### 1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

*Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh (cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế)*

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục V Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

**1.8. Lệ phí, phí:** Không có.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

**MẪU BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG  
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

*(Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng)*

.....(1) ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Số: ..... **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**  
....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG  
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi : ..... (2).....

..... (1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau :

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng :...(3).....thuộc dự án.....
2. Địa điểm xây dựng .....
3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp: .....
4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị ....(2)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

---

**Ghi chú:**

- (1) Tên của Chủ đầu tư.
- (2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.

## MẪU DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

*(Phụ lục VIb ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng)*

<b>I.</b>	<b>HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG</b>
1.	Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).
2.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
3.	Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.
4.	Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).
5.	Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.
6.	Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
7.	Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
8.	Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.
9.	Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
10.	Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.
<b>II.</b>	<b>HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b>
1.	Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
2.	Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
3.	Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết

	kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.
4.	Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
5.	Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.
III.	<b>HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b>
1.	Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền
2.	Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).
3.	Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.
4.	Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.
5.	Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.
6.	Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.
7.	Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
8.	Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.
9.	Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình.
10.	Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:
	a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;
	b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;
	c) An toàn môi trường;
	d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;
	đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);



	e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;
	g) Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt;
	h) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
11.	Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).
12.	Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
13.	Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
14.	Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này (nếu có).
15.	Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (nếu có).
16.	Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

---

**Ghi chú:**

Khi gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 24 Nghị định này, chủ đầu tư chỉ gửi danh mục liệt kê các tài liệu nêu tại Phụ lục này trừ các hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 13, 14, 15 Phụ lục này.

**MẪU THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH**  
**HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**  
*(Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023*  
*của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc*  
*lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng)*

... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH**  
**HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi : ..... (2).....

Căn cứ .....(3).....;

Căn cứ giấy phép xây dựng số ... (đối với trường hợp công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và các hồ sơ thiết kế điều chỉnh (nếu có) được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư số .....; báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư số... (nếu có); biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình số.....;

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số .....(nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

.....(1)..... chấp thuận kết quả nghiệm thu .....(4).... của .....(2)..... đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình: ....(5)....

b) Địa điểm xây dựng: .....

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

a) Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

b) Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: ...

## **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

---

### ***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

(2) Tên của chủ đầu tư.

(3) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

(4) Nghiệm thu hoàn thành hoặc nghiệm thu có điều kiện, nghiệm thu một phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

(5) Tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi được chấp thuận kết quả nghiệm thu.